

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà Petro Tower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018***MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			Từ 01/08/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2018 đến 31/07/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14,495,275,922,660</b>	<b>15,785,261,320,327</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2,619,830,697,595</b>	<b>3,776,189,661,486</b>
1. Tiền	111		1,519,830,697,595	2,436,658,496,789
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,100,000,000,000	1,339,531,164,697
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3,439,531,164,697</b>	<b>3,050,000,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3,439,531,164,697	3,050,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7,242,024,637,011</b>	<b>7,366,143,373,243</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2,530,661,586,712	2,273,077,578,296
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26,565,253,323	22,654,806,604
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4,766,723,141,233	5,070,410,988,343
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(81,925,344,257)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1,152,421,722,043</b>	<b>1,492,314,577,105</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,152,421,722,043	1,492,314,577,105
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41,467,701,314</b>	<b>100,613,708,493</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	21,610,078,432	26,355,073,303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	8,155,286,059	73,434,586,544
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	13	11,702,336,823	824,048,646
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			Từ 01/08/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2018 đến 31/07/2018
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6,167,443,299,683</b>	<b>6,408,267,546,946</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43,612,770,880</b>	<b>43,612,770,880</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		43,612,770,880	43,612,770,880
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,471,192,077,484</b>	<b>1,501,210,485,555</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1,199,855,887,470	1,228,600,462,103
- Nguyên giá	222		1,228,885,462,103	1,228,600,462,103
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29,029,574,633)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	271,336,190,014	272,610,023,452
- Nguyên giá	228		272,610,023,452	272,610,023,452
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,273,833,438)	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>44,382,774,985</b>	<b>36,892,286,246</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	44,382,774,985	36,892,286,246
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4,212,324,548,252</b>	<b>4,424,369,975,279</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	3,336,774,072,634	3,336,774,072,634
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	1,043,552,565,255	1,043,552,565,255
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	44,043,337,390	44,043,337,390
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(212,045,427,027)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>395,931,128,082</b>	<b>402,182,028,986</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	395,931,128,082	402,182,028,986
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>20,662,719,222,343</b>	<b>22,193,528,867,273</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			Từ 01/08/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2018 đến 31/07/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10,472,893,443,841</b>	<b>11,848,233,582,880</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10,363,561,556,341</b>	<b>11,729,947,758,261</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1,839,245,602,653	2,422,072,907,844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26,454,250,384	33,792,969,796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	77,422,653,218	75,177,266,559
4. Phải trả người lao động	314		29,551,711,199	30,177,800,664
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	424,594,732,270	38,680,845,334
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	5,769,640,101,542	6,484,327,412,856
8. Vay ngắn hạn	320	24	2,100,472,360,174	2,409,531,860,436
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	32,646,289,188	32,543,393,120
9. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323	26	63,533,855,713	203,643,301,652
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>109,331,887,500</b>	<b>118,285,824,619</b>
2. Chi phí phải trả dài hạn	332		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		60,000,000	100,000,000
4. Phải trả dài hạn khác	337		60,000,000	60,000,000
5. Vay dài hạn	338	27	98,935,580,383	106,947,667,222
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	10,276,307,117	11,178,157,397

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			Từ 01/08/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2018 đến 31/07/2018
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10,189,825,778,502</b>	<b>10,345,295,284,393</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>10,189,825,778,502</b>	<b>10,345,295,284,393</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10,342,295,000,000	10,342,295,000,000
2. Chênh lệch đánh giá lại Tài sản			-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	3,000,284,393
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(152,469,221,498)	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(152,469,221,498)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>20,662,719,222,343</b>	<b>22,193,528,867,273</b>



**Cao Hoài Dương**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thùy Dung**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Tháng 08+09 Năm 2018*

MÃ SỐ B 02-DN

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này từ 01/08/2018 đến 30/09/2018	Kỳ trước từ 01/01/2018 đến 31/07/2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5,818,742,188,675	20,816,799,579,845
2.	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	02		-	-
3.	Doanh thu thuần (10=01-02)	10	30	5,818,742,188,675	20,816,799,579,845
4.	Giá vốn hàng bán	11	31	5,598,776,430,361	20,010,731,836,069
5.	Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		219,965,758,314	806,067,743,776
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	53,532,810,519	228,042,732,578
7.	Chi phí tài chính	22	33	237,281,710,698	(62,604,900,909)
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		18,461,668,920	51,268,515,618
8.	Chi phí bán hàng	24	34	82,382,105,512	371,691,512,808
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	107,257,173,760	37,457,190,535
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(153,422,421,137)	687,566,673,920
11.	Thu nhập khác	31		51,349,362	9,763,412,117
12.	Chi phí khác	32		3	32,015,867,990
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	35	51,349,359	(22,252,455,873)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(153,371,071,778)	665,314,218,047
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	90,363,142,965
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(901,850,280)	(3,152,065,982)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(152,469,221,498)	578,103,141,064



Cao Hoài Dương  
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Đăng Trình  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Dung  
 Người lập biểu

TP.HCM, ngày 29 tháng 10 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018*

**MẪU SỐ B 03-DN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này Từ 01/08/2018 đến 30/09/2018</b>	<b>Kỳ trước Từ 01/01/2018 đến 31/07/2018</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>(153,371,071,778)</i>	<i>665,314,218,047</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<i>149,586,555,082</i>	<i>(577,145,446,541)</i>
- Khấu hao tài sản cố định	02	30,303,408,071	82,151,109,792
- Các khoản dự phòng	03	294,073,667,352	(251,826,990,784)
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(420,826,703)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(52,524,172,062)	(226,678,770,285)
- Chi phí lãi vay	06	18,461,668,920	51,268,515,618
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(140,307,190,496)	(232,059,310,882)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>(3,784,516,696)</i>	<i>88,168,771,506</i>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	92,849,229,506	613,563,699,565
- Thay đổi hàng tồn kho	10	339,892,855,062	487,150,736,164
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(933,433,934,682)	(2,305,125,798,259)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	11,897,746,055	(4,370,917,430)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5,807,749,878)	(53,246,640,389)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	197,744,557	4,064,837,029,972
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(4,046,946,685,100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(498,188,626,076)</i>	<i>(1,155,969,803,971)</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
		Từ 01/08/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2018 đến 31/07/2018
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(7,775,488,739)	(77,614,797,065)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,239,531,164,697)	(2,950,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,850,000,000,000	2,000,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
	26	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	27	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56,287,188,494	176,216,663,464
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(341,019,464,942)</b>	<b>(851,398,133,601)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1,060,269,174,835	4,862,410,644,849
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,377,340,761,936)	(3,789,960,381,344)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(317,071,587,101)</b>	<b>1,072,450,263,505</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1,156,279,678,119)</b>	<b>(934,917,674,067)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3,776,189,661,486</b>	<b>4,707,635,777,791</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(79,285,772)	3,471,557,762
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>2,619,830,697,595</b>	<b>3,776,189,661,486</b>


TP.HCM, ngày 29 tháng 10 năm 2018



**Cao Hoài Dương**  
Tổng Giám đốc



**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thùy Dung**  
Người lập biểu



## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.)

Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 7 năm 2013, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty là 10.884.251.000.000 VND.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, tổng số nhân viên tại Tổng Công ty là 716 người (tại ngày 31 tháng 07 năm 2018: 721 người).

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 bao gồm:

- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông
- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đinh Vũ
- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè
- Ban quản lý Dự án PV OIL
- Chi nhánh PV Oil Hà Tĩnh
- Chi nhánh PV Oil Bà Rịa Vũng Tàu
- Chi nhánh PV Oil Quảng Ngãi
- Chi nhánh PV Oil Thừa Thiên Huế
- Văn phòng đại diện Myanmar
- Chi nhánh Nghi Sơn – Thanh Hoá

### Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm dầu trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Sản xuất sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Môi giới và cung ứng tàu biển; Kinh doanh khách sạn, du lịch (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi; Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu.

### Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần) đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018)
Ông Cao Hoài Dương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018)
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018)
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018)
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018)
Ông Lê Ngọc Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Trình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Để có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty, chúng tôi khuyến nghị người đọc báo cáo tài chính riêng này cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và phát hành trong một báo cáo tài chính khác.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính công ty mẹ này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty Cổ Phần từ ngày 01 tháng 08 năm 2018 (ngày chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần) đến ngày 30 tháng 9 năm 2018.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của

các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

#### ***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6

năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập dựa trên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm cả phần của lợi ích cổ đông không kiểm soát.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<b>2018</b>
	<u>(Số năm)</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước là giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng và chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các chi phí quảng cáo, sửa chữa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguồn vốn và phân phối lợi nhuận**

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty được phê duyệt tại Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, được xác nhận tại giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp với vốn điều lệ là 10.342.295.000.000 VND. Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc được góp bổ sung.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản

dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Quỹ bình ổn giá xăng dầu**

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 10 năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2014) về việc “Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/ NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu”.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Công thương từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Công thương.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/07/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	435,597,964	853,291,945
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,519,395,099,631	2,435,805,204,844
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư tài khoản quỹ bình ổn (i)</i>	<i>173,377,526,487</i>	<i>194,179,472,945</i>
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (ii)	1,100,000,000,000	1,339,531,164,697
	<b><u>2,619,830,697,595</u></b>	<b><u>3,776,189,661,486</u></b>

- (i) Số dư tài khoản quỹ bình ổn được theo dõi riêng trên tài khoản ngân hàng theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương.
- (ii) Các khoản tương đương tiền là phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>30/09/2018</u>		<u>31/07/2018</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3,439,531,164,697	3,439,531,164,697	3,050,000,000,000	3,050,000,000,000

- (i) Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 30/09/2018 tại các ngân hàng sau: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN, TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Đông Đô, NH Ngoại Thương TP.HCM, NH NN&PTNT Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, NH TMCP Quốc Dân - CN Sài Gòn, NH TMCP Phát triển TP.HCM và NH TMCP Đại Dương (OCEANBANK) - CN SG.
- (ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 239.531.164.697 đồng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành Ngân hàng Nhà nước sở hữu 100% vốn, theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/07/2018</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	27,473,623,697	12,400,364,036
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	593,531,280,543	545,767,543,067
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	216,487,691,055	225,101,201,904
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Mê Kông	78,307,114,403	103,119,432,775
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Nghi Sơn	-	4,288,374,054
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	148,026,036,015	147,265,822,191
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	168,105,825,441	138,847,304,844
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	91,893,549,485	101,408,935,880
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	122,171,285,711	126,699,186,183
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	137,917,389,014	121,453,747,072
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	173,323,720,347	117,065,468,197
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	107,605,702,014	108,851,836,828
Phải thu khách hàng khác	665,818,368,987	520,808,361,265
	<b><u>2,530,661,586,712</u></b>	<b><u>2,273,077,578,296</u></b>
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 36)	2,391,785,438,434	2,171,746,117,703

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/07/2018</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ Phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	3,912,898,331,881	3,996,352,633,575
Tiền dầu mỏ Bạch hổ	623,603,964,819	622,759,607,645
Thuế TTDB chờ khấu trừ, Form D, BVMT chờ hoàn (ii)	23,451,408,938	69,093,023,374
XN liên doanh Vietsovpetro (nhập UTSPD)	6,176,394,883	164,596,268,607
Phải thu từ Cổ phần hóa (iii)	5,755,479,545	5,755,479,545
Các khoản phải thu khác	194,837,561,167	211,853,975,597
	<b><u>4,766,723,141,233</u></b>	<b><u>5,070,410,988,343</u></b>
<b>b. Phải thu khác các bên liên quan</b> (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 36)	4,064,009,798,248	4,297,174,916,104

- (i) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến hoạt động mua và nhập khẩu ủy thác cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
- (ii) Là số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu Condensate, hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế Form D và thuế BVMT và thuế nhập khẩu chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước tại thời điểm ngày 30/09/2018.
- (iii) Số tiền chi phí cổ phần hóa thực tế phát sinh chờ quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa từ cơ quan có thẩm quyền.

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**8. NỢ XẤU**

Đối tượng	30/09/2018		31/07/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	19,576,761,700	-	19,576,761,700	19,576,761,700
Công ty Cổ phần TMHD Nam Sông Hậu	8,850,308,852	-	9,777,137,252	9,777,137,252
Công ty Bắc Hải	943,576,001	-	18,928,419,538	18,928,419,538
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	9,813,340,562	-	9,813,340,562	9,813,340,562
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	44,134,776,646	22,067,388,323	45,034,776,646	45,034,776,646
Thuế chờ hoàn (Cục thuế TPHCM_Nhà Bè)	-	-	7,713,316,104	7,713,316,104
Thuế chờ hoàn (Cục thuế BRVT_CN BRVT)	12,773,816,820	3,832,145,046	12,773,816,820	12,773,816,820
Khác	11,732,297,045	-	11,805,057,119	11,805,057,119
	<b>107,824,877,626</b>	<b>25,899,533,369</b>	<b>135,422,625,741</b>	<b>135,422,625,741</b>

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

- Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.

- Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu.

Tại báo cáo ngày 30/09/2018, Công ty đã xử lý tài chính cho các khoản dự phòng công nợ phải thu khó đòi Theo quy định.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2018		31/07/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	50,704,315,158	-	279,870,630,749	-
Nguyên liệu, vật liệu	384,619,512,533	-	347,572,999,906	-
Công cụ, dụng cụ	9,679,858,325	-	9,679,858,325	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm tồn kho	122,539,637,369	-	124,253,863,762	-
Hàng hóa	584,878,398,658	-	730,937,224,363	-
<b>Cộng</b>	<b>1,152,421,722,043</b>	<b>-</b>	<b>1,492,314,577,105</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	21,610,078,432	26,355,073,303
	<b>21,610,078,432</b>	<b>26,355,073,303</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà Petro Tower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**b) Dài hạn**

Trả trước tiền thuê VP tại số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1	206,319,433,648	207,547,169,288
Tiền thuê đất trả trước		
Công cụ, dụng cụ	10,726,005,160	11,997,282,369
Lợi thế kinh doanh	166,561,668,350	169,384,023,595
Chi phí trả trước dài hạn khác	12,324,020,924	13,253,553,734
	<b>395,931,128,082</b>	<b>402,182,028,986</b>

**11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào của Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong kỳ tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phải nộp tại ngày 01/08/2018	Lũy kế từ đầu kỳ		Đơn vị: VND
		Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp tại ngày 30/09/2018
<b>Các khoản thuế phải trả, phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	67,654,640	12,503,700,769	103,995,241	12,467,360,168
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4,058,663,626	4,058,663,626	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	122,278,712,882	122,278,712,882	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6,764,439,377	6,764,439,377	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,247,900,025	1,502,275,096	1,476,874,985	1,273,300,136
Thuế TNDN	59,970,756,853	-	-	59,970,756,853
Thuế nhà đất	-	848,880	848,880	-
Thuế BVMT	13,063,206,300	2,115,754,200	13,063,206,300	2,115,754,200
Thuế khác và lệ phí	827,748,741	767,733,120	-	1,595,481,861
<b>Các khoản thuế nộp thừa còn được khấu trừ</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(800,000)	-	-	(800,000)
Thuế nhà đất	(14,366,726)	-	-	(14,366,726)
Thuế khác và lệ phí	-	-	3,500,000	(3,500,000)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(803,077,500)	10,860,537,670	21,721,075,340	(11,663,615,170)
Thuế thu nhập cá nhân	(5,804,420)	12,279,756	26,530,263	(20,054,927)
<b>Tổng cộng</b>	<b>74,353,217,913</b>	<b>160,864,945,376</b>	<b>169,497,846,894</b>	<b>65,720,316,395</b>
<b>Trong đó:</b>				
<i>Thuế và các khoản phải nộp</i>				
<i>Nhà nước</i>	<i>75,177,266,559</i>	<i>149,992,127,950</i>	<i>147,746,741,291</i>	<i>77,422,653,218</i>
<i>Thuế và các khoản phải thu</i>				
<i>Nhà nước</i>	<i>(824,048,646)</i>	<i>10,872,817,426</i>	<i>21,751,105,603</i>	<i>(11,702,336,823)</i>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PetroPower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018  
**MẪU SỐ B 09 - DN**

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 31/07/2018	948,362,133,538	210,709,813,392	61,011,568,099	6,676,810,568	1,840,136,507	1,228,600,462,103
Mua sắm mới	-	-	-	285,000,000	-	285,000,000
XDCB bàn giao	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tăng/giảm do Phân loại lại TS	1,367,465,880	28,062,817,869	(29,456,871,294)	17,431,163	9,156,382	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm do phê duyệt quyết toán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2018	949,729,599,417	238,772,631,261	31,554,696,805	6,979,241,731	1,849,292,889	1,228,885,462,103
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 31/07/2018	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	19,471,758,916	7,771,270,118	1,251,428,414	426,165,709	108,951,476	29,029,574,633
Tăng/giảm do Đánh giá lại TS CPH	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2018	19,471,758,916	7,771,270,118	1,251,428,414	426,165,709	108,951,476	29,029,574,633
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/09/2018	930,257,840,501	231,001,361,143	30,303,268,391	6,553,076,021	1,740,341,413	1,199,855,887,470
Tại ngày 31/07/2018	948,362,133,538	210,709,813,392	61,011,568,099	6,676,810,568	1,840,136,507	1,228,600,462,103

Số dư Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 01/08/2018 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với giá trị khấu hao tài sản cố định hữu hình lũy kế khi chuyển sang Công ty cổ phần là 1.469.956.476.029 đồng.

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/07/2018	268,916,290,716	3,693,732,736	272,610,023,452
<b>Tăng trong kỳ</b>			-
Mua trong năm	-	-	-
XDCB bàn giao			-
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán			-
Giảm khác			-
Tại ngày 30/09/2018	<u>268,916,290,716</u>	<u>3,693,732,736</u>	<u>272,610,023,452</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/07/2018	-	-	-
<b>Tăng trong kỳ</b>			
Khấu hao trong năm	1,098,623,370	175,210,068	1,273,833,438
Tăng/giảm khác			
Tại ngày 30/09/2018	<u>1,098,623,370</u>	<u>175,210,068</u>	<u>1,273,833,438</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/09/2018	<u>267,817,667,346</u>	<u>3,518,522,668</u>	<u>271,336,190,014</u>
Tại ngày 31/07/2018	<u>268,916,290,716</u>	<u>3,693,732,736</u>	<u>272,610,023,452</u>

Số dư Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 01/08/2018 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với giá trị khấu hao tài sản cố định vô hình lũy kế khi chuyển sang Công ty cổ phần là 55.812.595.747 đồng.

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
Dự án nâng cấp và mở rộng nhà máy chế biến Condensate Phú Mỹ	7,258,066,196	7,258,066,196
Kho xăng dầu Cái Lân - Giai đoạn 2	1,279,151,228	1,279,151,228
Dự án Cải tạo, lắp đặt Hệ thống pha chế E5, bồn E100 các kho XD	29,934,268,167	22,443,779,428
Kho ngoại quan, dự trữ xăng dầu quốc gia tại Phú Quốc	577,111,395	577,111,395
Bãi đỗ, quay xe bồn phục vụ Nhập xuất kho Nghi Sơn	562,654,546	562,654,546
Lưu lượng kế tại kho Nhà Bè - Miền Đông	4,013,540,000	4,013,540,000
Các dự án khác	757,983,453	757,983,453
	<u>44,382,774,985</u>	<u>36,892,286,246</u>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Tỷ lệ sở hữu và tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018:

Tên công ty con	Số cuối kỳ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	337,059,294,469	89.37%	89.37%	337,059,294,469
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	53,675,000,000	56.50%	56.50%	53,675,000,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (i)	13,542,778,807	20.26%	20.26%	13,542,778,807
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	59,947,983,022	62.67%	62.67%	59,947,983,022
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	27,841,516,060	96.27%	96.27%	27,841,516,060
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	39,800,837,516	96.09%	96.09%	39,800,837,516
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	70,009,916,425	79.68%	79.68%	70,009,916,425
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	59,904,348,443	56.86%	56.86%	59,904,348,443
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	373,997,531,512	67.64%	67.64%	373,997,531,512
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	151,334,458,744	65.18%	66.93%	151,334,458,744
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	114,732,823,809	57.18%	57.18%	114,732,823,809
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	188,873,299,116	71.35%	71.35%	188,873,299,116
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	64,306,503,742	74.67%	74.67%	64,306,503,742
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	213,072,082,398	100.00%	100.00%	213,072,082,398
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	74,999,833,116	68.00%	68.00%	74,999,833,116
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	14,280,000,000	51.00%	51.00%	14,280,000,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	41,228,882,773	56.75%	56.75%	41,228,882,773
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	105,877,995,794	78.62%	78.62%	105,877,995,794
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	70,826,240,317	80.19%	80.19%	70,826,240,317
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	66,151,133,217	67.13%	67.13%	66,151,133,217
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	38,699,084,673	71.68%	71.68%	38,699,084,673
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	35,242,504,910	51.00%	51.00%	35,242,504,910
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	108,835,411,114	71.43%	71.43%	108,835,411,114
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	63,846,506,524	72.00%	72.00%	63,846,506,524
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	37,378,804,774	71.00%	71.00%	37,378,804,774
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	15,658,836,111	80.37%	80.37%	15,658,836,111
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	79,599,663,922	51.01%	51.01%	79,599,663,922
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC) (ii)	810,364,301,326	94.78%	95.19%	810,364,301,326
Công ty Cổ phần xăng dầu Cambodia	5,686,500,000	51.00%	51.00%	5,686,500,000
	<b>3,336,774,072,634</b>			<b>3,336,774,072,634</b>

- (i) Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (PVOil Ninh Bình) là 20,26%. Tuy nhiên, Tổng Công ty có đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị (2 trên 3 thành viên Hội đồng Quản trị là người của Tổng Công ty, tương ứng tỷ lệ biểu quyết là 66,67%) theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 193/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 4 năm 2018 của PVOil Ninh Bình.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 07 năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng (so với giá trị đầu tư trước điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại để cổ phần hóa là 2.464.251.000.000 VND). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa.

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Tên công ty liên kết	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số đầu kỳ
		sở hữu (%)	biểu quyết (%)	
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	285,506,255,661	39.76%	39.76%	285,506,255,661
Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Petechim	82,003,319,843	29.00%	29.00%	82,003,319,843
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Quảng Trị	1,529,002,171	44.99%	45.00%	1,529,002,171
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung	254,057,440,160	34.28%	33.96%	254,057,440,160
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên (i)	-	47.79%	47.79%	-
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	46,976,384,000	24.26%	24.79%	46,976,384,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình				
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Comeco	333,195,848,000	44.79%	44.94%	333,195,848,000
Công ty CP Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	6,264,457,591	33.96%	33.96%	6,264,457,591
<b>Tên công ty liên doanh</b>				
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	13,585,359,052	21.94%		13,585,359,052
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	20,434,498,777	15.00%		20,434,498,777
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông (i)	-	30.01%		-
	<b>1,043,552,565,255</b>			<b>1,043,552,565,255</b>

- (i) Giá trị đầu tư vào các đơn vị này bằng 0 do ảnh hưởng từ việc ghi nhận theo giá trị đánh giá lại đã được phê duyệt khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Điều Phú Yên và Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông trước điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại để cổ phần hóa lần lượt là 51.707.577.602 VND và 198.044.907.747 VND.

**18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	15,126,357,240	15,126,357,240
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10,549,395,047	10,549,395,047
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	7,263,016,037	7,263,016,037
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	9,753,141,763	9,753,141,763
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Mê Kông	1,351,427,303	1,351,427,303
	<b>44,043,337,390</b>	<b>44,043,337,390</b>

**19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con	55,917,874,891	-
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Liên kết	141,613,137,619	-
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Liên doanh	1,675,148,343	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	12,839,266,173	-
	<b>212,045,427,027</b>	<b>-</b>



**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2018		31/07/2018	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán</b>				
Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn	1,371,925,407,748	1,371,925,407,748	1,851,329,654,354	1,851,329,654,354
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	346,765,096,213	346,765,096,213	340,280,652,929	340,280,652,929
CN Tổng công ty Khí VN- CTCP- Công ty chế biến khí	51,210,858,113	51,210,858,113	21,371,479,789	21,371,479,789
Công ty TNHH Lọc hóa Dầu	10,326,087,897	10,326,087,897	50,806,275,672	50,806,275,672
KC AND A CORPORATION	-	-	43,658,295,727	43,658,295,727
Khác	59,018,152,682	59,018,152,682	114,626,549,373	114,626,549,373
	<b>1,839,245,602,653</b>	<b>1,839,245,602,653</b>	<b>2,422,072,907,844</b>	<b>2,422,072,907,844</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 36)	1,819,248,545,732	1,819,248,545,732	2,328,409,105,709	2,328,409,105,709

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
Chi phí trích trước vận chuyển	46,812,267,961	-
Chi phí trích trước sản phẩm dầu	6,891,999,137	2,057,410,863
Chi phí mua hàng	339,724,593,470	6,323,439,357
Chi phí đầu tư XD CB	16,986,316,580	17,412,010,770
Chi phí lãi vay	3,537,370,203	3,804,600,133
Chi phí quản lý trả PVN	3,739,272,147	3,584,062,063
Chi phí trích trước khác	6,902,912,772	5,499,322,148
	<b>424,594,732,270</b>	<b>38,680,845,334</b>

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tiền đầu thô thu hộ XNKUT	4,564,353,240,892	5,264,119,711,336
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ Nhà nước	44,913,636,507	68,181,667,970
Phải trả về Cổ phần hóa Quỹ HTSX DN	16,535,284,647	16,535,284,647
Phải trả về Cổ phần hóa - PVN	1,118,505,171,560	1,118,576,984,884
Ký quỹ ngắn hạn	-	124,802,727
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25,332,767,936	16,788,961,292
	<b>5,769,640,101,542</b>	<b>6,484,327,412,856</b>
<b>b. Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</b> (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 36)	2,153,636,348,580	2,266,169,235,365

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****23. VAY NGẮN HẠN**

	30/09/2018		31/07/2018	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>2,049,045,797,837</b>	<b>2,049,045,797,837</b>	<b>2,358,611,724,284</b>	<b>2,358,611,724,284</b>
Ngân hàng TMCP Công thương VN	1,743,235,789,892	1,743,235,789,892	2,103,168,246,783	2,103,168,246,783
BNP Paribas - CN HCM	305,810,007,945	305,810,007,945	54,433,950,865	54,433,950,865
NH TMCP Kỹ thương VN- CN Tân Bình			201,009,526,636	201,009,526,636
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>51,426,562,337</b>	<b>51,426,562,337</b>	<b>50,920,136,152</b>	<b>50,920,136,152</b>
	<b>2,100,472,360,174</b>	<b>2,100,472,360,174</b>	<b>2,409,531,860,436</b>	<b>2,409,531,860,436</b>

**24. QUỸ DỰ PHÒNG**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	32,543,393,120	25,997,253,369
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	102,896,068	6,546,139,751
Dự phòng bồi thường liên quan đến tranh chấp hợp đồng	-	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-
	<b>32,646,289,188</b>	<b>32,543,393,120</b>

Thực hiện Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo qui định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường.

**25. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU**

	30/09/2018	31/07/2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	203,643,301,652	434,495,930,309
Trích quỹ trong kỳ	91,758,269,100	383,099,256,000
Lãi phát sinh	197,744,557	1,206,682,225
Sử dụng quỹ trong năm	(232,065,459,596)	(615,158,566,882)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>63,533,855,713</b>	<b>203,643,301,652</b>
<i>Trong đó:</i>		
Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	173,377,526,487	194,179,472,945

Việc trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính, Bộ công thương tại các thời điểm khác nhau (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính trong thời gian tiếp theo.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, số dư quỹ bình ổn đã được kết chuyển sang tài khoản tiền gửi ngân hàng theo đúng hướng dẫn của Thông tư liên tịch (Thuyết minh số 5).

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****26. VAY DÀI HẠN**

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/09/2018		31/07/2018	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Các khoản vay dài hạn	150,362,142,720	150,362,142,720	157,867,803,374	157,867,803,374
Vay dài hạn đến hạn trả	(51,426,562,337)	(51,426,562,337)	(50,920,136,152)	(50,920,136,152)
	<b>98,935,580,383</b>	<b>98,935,580,383</b>	<b>106,947,667,222</b>	<b>106,947,667,222</b>

	30/09/2018		31/07/2018	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
NH TMCP Đầu tư và Phát triển	2,793,098,225	2,793,098,225	3,263,098,225	3,263,098,225
Ngân hàng TMCP XNK VN	-	-	2,759,086,839	2,759,086,839
NH TMCP Đại Chúng Việt Nam	18,926,880,562	18,926,880,562	18,926,880,562	18,926,880,562
NH TMCP Ngoại thương VN	34,068,000,000	34,068,000,000	38,851,000,000	38,851,000,000
NH TNHH MTV Shinhan VN	43,147,601,596	43,147,601,596	43,147,601,596	43,147,601,596
	<b>98,935,580,383</b>	<b>98,935,580,383</b>	<b>106,947,667,222</b>	<b>106,947,667,222</b>

**27. Thuế TNDN hoãn lại phải trả**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Giá trị tài sản tăng do đánh giá lại
<b>Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/07/2018</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2018	14,330,223,379
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong năm	(3,152,065,982)
Tại ngày 31/07/2018	<b>11,178,157,397</b>
<b>Cho kỳ hoạt động từ 01/08/2018 đến 30/09/2018</b>	
Tại ngày 31/07/2018	11,178,157,397
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong năm	(901,850,280)
Tại ngày 30/09/2018	<b>10,276,307,117</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09 -DN

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(Lỗ lũy kế)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>10,884,251,000,000</b>	<b>0</b>	<b>(1,181,197,710,611)</b>	<b>1,056,794,544,056</b>	<b>123,287,992,719</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10,883,135,826,164</b>
Lãi trong năm	-	-	578,103,141,064	-	-	-	-	578,103,141,064
Điều chỉnh kết chuyển số dư các quỹ do xử lý tài chính tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần	(541,956,000,000)	-	602,844,713,548	(1,056,794,544,056)	(123,287,992,719)	-	-	(1,119,193,823,227)
CLTG do xử lý tài chính tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần	-	3,000,284,393	-	-	-	-	-	3,000,284,393
Điều chỉnh Tăng giảm khác	-	-	249,855,999	-	-	-	-	249,855,999
<b>Tại ngày 31/07/2018</b>	<b>10,342,295,000,000</b>	<b>3,000,284,393</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10,345,295,284,393</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	(152,469,221,498)	-	-	-	-	(152,469,221,498)
Kết chuyển CLTG treo lại do xử lý tài chính tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (*)	-	(3,000,284,393)	-	-	-	-	-	(3,000,284,393)
Sử dụng quỹ Khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2018</b>	<b>10,342,295,000,000</b>	<b>-</b>	<b>(152,469,221,498)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10,189,825,778,502</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09 -DN****Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu như sau:**

Tên cổ đông	Vốn góp thực tế tại ngày 01 tháng 8 năm 2018		
	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	8,328,035,640,000	80.52%	832,803,564
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (ii)	500,000,000,000	4.83%	50,000,000
Cổ đông khác (iii)	1,514,259,360,000	14.64%	151,425,936
	<b>10,342,295,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>1,034,229,500</b>

- (i) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – công ty TNHH Một thành viên trước khi thực hiện Cổ phần hóa. Giá trị vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 8 năm 2018 là phần còn lại sau khi bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên và cổ phần bán đấu giá công khai theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dầu Việt Nam.
- (ii) Vốn góp của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet góp vào Tổng Công ty thông qua đợt chào bán đấu giá công khai cổ phần.
- (iii) Vốn góp của cổ đông khác bao gồm các cổ phần ưu đãi cho người lao động trong Tổng Công ty và cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác trong đợt chào bán đấu giá công khai cổ phần.

**Cổ phiếu**

	<b>30/09/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,034,229,500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,034,229,500
- Cổ phiếu phổ thông	1,034,229,500
-Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	
-Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,034,229,500
- Cổ phiếu phổ thông	1,034,229,500
-Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10,000

**29. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>5,818,742,188,675</b>	<b>20,816,799,579,845</b>
- Doanh thu bán hàng	5,771,791,726,403	20,624,853,822,658
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46,950,462,272	191,945,757,187
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	-	-
	<b>5,818,742,188,675</b>	<b>20,816,799,579,845</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn xăng dầu đã tiêu thụ	5,589,361,276,414	19,976,980,942,798
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	9,415,153,947	33,750,893,271
	<b><u>5,598,776,430,361</u></b>	<b><u>20,010,731,836,069</u></b>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	46,150,447,241	143,078,202,097
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1,008,638,457	1,352,884,325
Cổ tức được chia	6,325,016,000	76,660,126,070
Doanh thu chuyển nhượng đầu tư	2,554	238,000,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48,706,267	6,713,520,086
	<b><u>53,532,810,519</u></b>	<b><u>228,042,732,578</u></b>

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18,461,668,920	51,268,515,618
Lỗ chênh lệch tỷ giá	95,940,779	22,820,730,079
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (i)	212,045,427,027	(156,508,830,006)
Chi phí tài chính khác	6,678,673,972	19,814,683,400
	<b><u>237,281,710,698</u></b>	<b><u>(62,604,900,909)</u></b>

- (i) Trong kỳ, Tổng công ty đã tiến hành trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn các khoản đầu tư nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV chuyên giao theo quy định tại thông tư 228/2009/TT/BTC (trong này đã bao gồm 187.549.903.852đ dự phòng đã hoàn nhập tại ngày 31/07/2018 Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần).

**33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	20,652,607,329	84,355,663,496
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	5,476,820,033	18,291,745,502
Chi phí vận chuyển	4,328,775,408	65,078,884,254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,216,607,402	68,862,028,174
Chi phí khấu hao tài sản cố định quản lý	25,269,735,536	69,430,667,224
Các khoản chi phí bán hàng khác	11,437,559,804	65,672,524,158
	<b><u>82,382,105,512</u></b>	<b><u>371,691,512,808</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	7,897,286,395	33,809,360,605
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	2,092,180,678	7,221,613,817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,439,609,899	6,453,179,253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,681,847,814	20,673,954,302
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi (i)	81,925,344,257	-83,879,456,992
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11,220,904,717	53,178,539,550
	<b><u>107,257,173,760</u></b>	<b><u>37,457,190,535</u></b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09 -DN**

- (i) Trong kỳ, Tổng công ty đã tiến hành trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV chuyên giao theo quy định tại thông tư 228/2009/TT/BTC (trong này đã bao gồm 82.025.344.257đ dự phòng đã hoàn nhập tại ngày 31/07/2018 Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần).

**34. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu từ vi phạm hợp đồng	-	2,093,827,539
Thu từ thanh lý	-	-
Thu từ bồi thường	-	7,572,321,397
Các khoản thu nhập khác	51,349,362	97,263,181
<b>Thu nhập khác</b>	<b>51,349,362</b>	<b>9,763,412,117</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	-
Các khoản tiền phạt	3	32,015,412,388
Các khoản chi phí khác	-	455,602
<b>Chi phí khác</b>	<b>3</b>	<b>32,015,867,990</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>51,349,359</b>	<b>(22,252,455,873)</b>

**35. THU NHẬP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.874.784.300	7.650.719.787

**36. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong kỳ:*

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Công ty liên kết

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

	<b>Kỳ này</b> <b>từ 01/08/2018 đến</b> <b>30/09/2018</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>từ 01/01/2018 đến</b> <b>31/07/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nghiệp vụ bán hàng chủ yếu</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	452,552,160,500	1,452,905,276,713
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	486,117,477,759	1,672,317,468,040
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	655,928,718,141	2,239,329,387,664
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	632,444,301,380	2,132,892,236,734
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	439,314,062,890	1,509,773,186,887
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	322,304,902,083	1,017,881,094,043
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	354,756,308,623	1,397,881,117,461
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	341,265,380,492	1,145,336,040,220
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	252,366,408,379	946,834,158,664
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	237,145,788,431	298,368,100,324
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	182,822,303,122	550,753,331,125
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	200,564,660,820	656,463,264,004
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	293,541,355,904	854,716,031,015
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	142,482,317,915	462,678,685,738
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	275,284,501,218	967,839,096,501
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	149,243,411,982	539,335,754,118
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	102,143,223,815	400,571,143,306
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	53,291,754,434	197,087,100,086
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	14,582,016,419	46,806,309,456
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	32,074,152,327	140,413,251,036
Công ty CP Thương mại Du lịch XDDK Hà Giang	27,919,601,015	83,587,411,271
Cty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	18,558,989,423	52,402,321,768
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	7,686,893,315	22,902,024,350
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	117,177,944,910	359,472,875,199
Công ty Cổ phần Sản xuất & Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	1,226,643,399
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	15,736,469	26,917,151
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế	215,544,609	4,639,330,125
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	655,690,783	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	61,239,065,160
	<b>5,792,455,607,158</b>	<b>19,215,678,621,558</b>



**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN****CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

	Kỳ này	Kỳ trước
	từ 01/08/2018 đến 30/09/2018	từ 01/01/2018 đến 31/07/2018
	VND	VND
<b>Nghịệp vụ mua hàng chủ yếu</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3,012,797,204,468	11,193,403,611,863
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	45,091,776,387	263,676,821,086
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	-	250,401,728,850
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	183,670,908,631
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	65,330,637,931	168,249,841,300
Công ty Cổ phần Sản xuất & Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	3,622,036,713	113,178,360,701
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	5,627,058,532	68,137,485,823
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	24,925,441,373
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2,757,541,370	10,613,739,219
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	2,474,368,608	8,368,642,010
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	47,096,357	-
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	1,797,827,644	7,974,185,361
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	1,616,166,517	4,856,765,486
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1,433,224,518	4,583,695,087
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	3,201,653,630	4,026,581,032
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	-	3,602,126,149
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	674,045,964	2,866,347,353
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	88,667,590	2,416,495,540
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	461,015,185	1,741,467,634
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	683,122,036	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	114,032,028	1,611,494,036
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD	170,000,000	1,190,000,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	49,727,028	788,274,044
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	1,800,000	544,291,791
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	95,670,982	369,137,637
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	-	25,516,190
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Pe	531,418,049	-
	<b>3,148,666,091,537</b>	<b>12,321,222,958,196</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>30/09/2018</b>	<b>31/07/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	593,531,280,543	546,575,117,815
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	216,487,691,055	227,997,958,042
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	148,026,036,015	147,341,830,983
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	168,105,825,441	138,861,292,708
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	122,171,285,711	126,825,042,908
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	137,917,389,014	121,538,666,918
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	173,323,720,347	117,276,323,110
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	107,605,702,014	108,969,477,955
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	78,307,114,403	103,617,797,782
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	91,893,549,485	101,404,761,121
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	129,858,756,567	73,484,916,440
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	92,373,929,722	63,752,694,815
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	83,972,360,364	61,568,307,719
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	43,837,951,108	34,748,552,089
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	47,559,277,224	34,004,880,518
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro	-	29,487,832,416
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	23,947,237,031	23,778,957,709
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	17,608,831,527	21,556,070,030
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (PV Oil Lube)	25,298,850,919	18,433,922,878
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	27,473,623,697	15,634,845,383
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	12,830,386,020	14,791,823,942
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	32,796,266,536	11,629,999,980
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	6,537,013,652	7,599,957,530
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	7,708,456,055	5,441,505,362
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	4,288,374,054
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu Quốc tế Singapore	1,250,673,000	3,867,334,109
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	-	2,160,324,960
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	-	1,979,897,927
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	1,765,419,516
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1,362,230,984	1,362,230,984
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	-	695,840,000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	90,872,040
Tổng Công ty Khí Việt Nam	721,259,861	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	27,473,623,697	-
	<b>2,391,785,438,434</b>	<b>2,171,746,117,703</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DN**

	<b>30/09/2018</b>	<b>31/07/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	3,912,898,331,881	3,996,352,633,575
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	6,176,394,883	164,596,268,607
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	47,016,184,142	47,016,184,142
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	40,966,656,891	40,966,656,891
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	9,826,027,694	9,847,986,607
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	7,919,407,758	9,339,407,758
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	7,887,762,158	7,800,000,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	7,134,640,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	4,978,224,000	5,038,791,222
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1,799,474,821	1,811,250,349
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí	1,747,671,157	1,747,671,157
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	1,468,012,000	1,468,012,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	1,350,000,000	1,350,000,000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (PV Oil Lube)	1,129,827,188	1,143,049,980
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	512,515,240	512,515,240
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	298,005,480	432,901,980
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	272,211,000	272,211,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	145,404,436	145,404,436
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	-	133,500,000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	29,482,618
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	29,227,163	29,227,163
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	33,395,630,272	7,121,379
	<b>4,064,009,798,248</b>	<b>4,297,174,916,104</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

	<b>30/09/2018</b>	<b>MÃ SỐ B 09 -DN 31/07/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1,371,925,407,748	1,851,329,654,354
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	346,765,096,213	340,363,042,929
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	24,765,607,158	46,195,477,678
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	51,210,858,113	27,376,301,477
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu Khí Việt Nam	2,797,398,172	4,786,511,742
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1,954,237,323	1,954,237,323
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1,570,575,674
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1,082,497,100	1,316,333,460
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	267,404,738	1,121,939,180
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	-	585,522,000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	-	436,914,110
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	-	274,953,771
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	215,012,149	215,012,149
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu (COMECO)	57,750,000	57,750,000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	15,238,080	15,238,080
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3,366,110	3,366,110
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,414,895,656	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	541,961,033	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	579,256,688	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	10,326,087,897	50,806,275,672
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	1,326,471,554	-
	<b>1,819,248,545,732</b>	<b>2,328,409,105,709</b>
	<b>30/09/2018</b>	<b>31/07/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả khác</b>		
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	2,028,432,163,506	2,140,446,995,212
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1,874,498,222	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	123,259,926,801	125,652,480,102
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	69,760,051	69,760,051
	<b>2,153,636,348,580</b>	<b>2,266,169,235,365</b>
	<b>30/09/2018</b>	<b>31/07/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ Phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	328,470,898,324	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	11,253,695,146	6,323,439,357
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	8,948,728,584	8,948,728,584
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3,739,272,147	3,584,062,063
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	943,177,435	943,177,435
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	43,793,674,359	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu Khí Việt Nam	3,004,468,602	-
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	1,678,000,015	812,945,468
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD	170,000,000	-
	<b>402,001,914,612</b>	<b>20,612,352,907</b>

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 -DN**

**37. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA**

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần đã được diễn ra và thông qua một số nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần kể từ thời điểm này.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục bàn giao, quyết toán vốn Nhà nước khi chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần kể từ thời điểm này.

Do đó, số liệu so sánh trên Bảng kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính riêng là kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/07/2018 và số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được mang sang tại báo cáo tài chính ngày 31/07/2018 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 07 năm 2018 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần và các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến điều chỉnh quyết toán thuế theo quy định (cho giai đoạn hoạt động của Công ty TNHH một thành viên trước khi chuyển sang Công ty cổ phần) và Kiểm toán nhà nước kiểm tra chuyên đề hoạt động kinh doanh, quản lý sử dụng vốn, tài sản năm 2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa có biên bản chính thức của Cơ quan Thuế và Cơ quan kiểm toán nhà nước.

TP.HCM ngày 29 tháng 10 năm 2018



**Cao Hoài Dương**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thùy Dung**  
Người lập biểu